TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS -ST
Ngày: 14 - 7-2023
v/v *"Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".*

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh.
2/Ông Ngô Đình Bảo Thiện.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Trinh – Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B: Bà Nguyễn Thị Sáu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST-DS ngày 16/3/2022 về tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST- DS ngày 30/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-DS ngày 19/6/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn D, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Văn Long – Công ty Luật TNHH MTV B (có mặt).

2. Bị đơn*:* Bà Kiều Thị Mỹ T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:*

- Bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1977 (có mặt).

- Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

4. Người làm chứng:

- Bà Lê Thị H2, sinh năm 1975 (có mặt).

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện ngày 27/01/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày:*** Do gia đình ông khó khăn cần tiền nên ông có thỏa thuận với bà Hòa chuyển nhượng cho bà Hòa diện tích đất 683,8m^2, thuộc thửa đất số 301, tờ bản đồ số 65, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 807013, đất tọa lạc tại thôn 5, xã Hàm Đức với giá 200.000.000đồng, ông đã nhận tiền trước của bà Hòa 15.000.000đồng, còn lại 185.000.000đồng hai bên hẹn khi nào ra phòng công chứng bà Hòa sẽ giao đủ cho ông. Toàn bộ quá trình thỏa thuận chuyển nhượng đều có bà Kiều Thị Mỹ T chứng kiến. Bà T là do bà Hòa giới thiệu là chị em với nhau, bà T giúp đỡ bà Hòa nhiều hồ sơ và được bà Hòa tin tưởng giao đi làm giấy tờ. Ngày 17/01/2022, bà T gọi điện thoại cho ông nói ông mang toàn bộ hồ sơ đến văn phòng công chứng Phú Long để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông cứ nghĩ bà T làm hồ sơ giúp bà Hòa nên ông ra phòng công chứng ký, lăn tay vào hợp đồng mà không đọc lại, do sự chủ quan không nhìn kỹ hợp đồng mà bên nhận chuyển nhượng tên bà T chứ không phải tên bà Hòa. Sau khi ký hợp đồng xong thì ông về đến khoảng 14 giờ ngày 17/01/2022, bà T mang đến cho em ông số tiền là 200.000.000đồng, em ông hỏi tiền này là tiền của ai, bà T nói tiền mua ruộng do ông đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà T, em ông là Lê Thị H2 không đồng ý nhận tiền, lúc này ông liên lạc với bà Hòa thì bà Hòa cũng bất ngờ, bà Hòa không ủy quyền cho bà T làm hồ sơ. Giữa ông và bà T không có bất cứ thỏa thuận nào về việc chuyển nhượng đất, ông đã nhiều lần liên hệ với bà T để hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng bà T không đồng ý. Tại phiên tòa, ông yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa bên chuyển nhượng: ông Lê Văn D với bên nhận chuyển nhượng: bà Kiều Thị Mỹ T, theo số công chứng 00178, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, do Văn phòng công chứng Phú

Long chứng thực ngày 17/01/2022, chuyển nhượng thửa đất số 301, diện tích 683,8m^2, tờ bản đồ số 65, tọa lạc tại thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 807013, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 21/7/2020 đứng tên Lê Văn D là vô hiệu. Đối với yêu cầu bị đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 807013 cho ông thì ông xin rút lại yêu cầu này.

**** Theo đơn trình bày ngày 05/5/2022 của bị đơn bà Kiều Thị Mỹ T trình bày:*** Do có mối quan hệ quen biết với bà Phạm Thị Hồng Hòa nên bà Hòa có ủy quyền cho bà làm hồ sơ thủ tục sang tên đối với hợp đồng mua bán đất với ông Đỗ Văn Trung và bà đã hoàn thành công việc ủy quyền này. Sau đó, bà có nghe bà Hòa nói ông Lê Văn D cần sang nhượng thửa đất số 301 diện tích 683,8m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 807013 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/7/2020 nên bà đã thỏa thuận với ông D nhận chuyển nhượng thửa đất trên với số tiền 50.000.000đồng có sự chứng kiến của 02 em ông D là ông Lê Văn N và bà Lê Thị H2. Ngày 17/01/2022 bà và ông D đã đến Văn phòng công chứng Phú Long để lập hợp đồng theo đúng trình tự mua bán có công chứng. Ngày 21/01/2022 bà đã rút tiền từ tài khoản cá nhân của bà có số tài khoản: 0071003430468 – Ngân hàng Vietcombank chi nhánh B với số tiền 185.000.000đồng về để trả tiền mặt 50.000.000đồng cho bà Lê Thị H2 (em ông D) như theo thỏa thuận mua bán giữa bà với ông D. Bà H2 đã nhận đủ số tiền trên nhưng do sợ bị mất trộm nên bà H2 đề nghị bà giữ hộ giúp và giao kết khi có việc cần sử dụng đến số tiền đó thì bà sẽ đưa. Bà không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông D, bà yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng này và bà sẽ trả cho ông D số tiền 50.000.000đồng như ghi trong hợp đồng chuyển nhượng.

**** Tại bản khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng Hòa và ông Trần Thanh Hải trình bày.*** Vợ chồng ông, bà và ông Lê Văn D là hàng xóm láng giềng của nhau, bà Kiều Thị Mỹ T là bạn thân thiết với vợ chồng, bà và là người thường xuyên làm hồ sơ, giấy tờ đất đai cho vợ chồng ông, bà nhiều vụ và cũng ở gần nhà với nhau. Trước đây gia đình ông D gặp khó khăn nên bà giúp đỡ cho gia đình ông D rất nhiều. Ông D ngỏ ý muốn chuyển nhượng cho bà diện tích đất 683,8m^2, thuộc thửa đất số 301, tờ bản đồ số 65, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 807013, đất tọa lạc tại thôn 5, xã Hàm Đức với số tiền là 200.000.000đồng, vợ chồng ông, bà đã đặc cọc cho ông D số tiền 15.000.000đồng, sau đó đặc cọc thêm

85.000.000đồng, hai bên có lập "hợp đồng đặc cọc" và "giấy nhận tiền đất". Sau khi hai bên thỏa thuận xong thì vợ chồng ông, bà có nhờ bà T làm hồ sơ công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Tuy nhiên khi bà giao toàn bộ hồ sơ cho bà T thì bà T lại làm hợp đồng chuyển nhượng sang tên bà T thay vì tên bà Hòa. Bà T tự ý gọi ông D đến phòng công chứng ký tên vào hợp đồng, ông D do tin tưởng, cứ nghĩ bà T làm giúp nên cũng ký tên vào hợp đồng mà không đọc lại kỹ. Chiều ngày 17/01/2022, bà T đến nhà ông D đưa số tiền 200.000.000đồng thì lúc này ông D mới biết việc chuyển nhượng sang tên bà T, ông D gọi điện thoại cho vợ chồng ông, bà qua nhà ông D thì bà T cầm tiền đi về. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông, bà cũng đồng ý. Ngoài ra, ông, bà không có yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa người làm chứng bà Lê Thị H2 và ông Lê Văn N trình bày:*** *Ông, b*à có mối quan hệ là em ruột của ông Lê Văn D, về thửa đất mà ông D chuyển nhượng và tranh chấp với bà Kiều Thị Mỹ T thì ông, bà xác định là ông D chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Hồng Hòa chứ không có chuyển nhượng cho bà Kiều Thị Mỹ T, việc bà T xác định anh, em bà đồng ý chuyển nhượng cho bà T thửa đất trên và bà T đã đưa tiền cho bà H2 là không có.

**** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn Long phát biểu ý kiến:*** Ông Lê Văn D với bà Phạm Thị Hồng Hòa đã thỏa thuận việc chuyển nhượng mua bán đất với nhau; ông D với bà T không có thỏa thuận chuyển nhượng đất. Do tại Văn phòng Công chứng ông D nhầm tưởng về chủ thể ghi trong hợp đồng là tên bà Hòa nên ông mới ký vào hợp đồng. Ông D chưa giao đất cho bà T, cũng như không có nhận tiền nào của bà T. Vì vậy yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D với bà T là vô hiệu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:*** Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi N vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng Hòa và ông Trần Thanh Hải đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Bị đơn đã thực

hiện không đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn ông Lê Văn D khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và bị đơn bà Kiều Thị Mỹ T. Bị đơn bà Kiều Thị Mỹ T, hiện đang sinh sống tại xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B. Đồng thời, đất tranh chấp tọa lạc tại xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này "Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B.

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Kiều Thị Mỹ T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

***[2].* Về nội dung:** Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo tài liệu, chứng cứ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Thuận Bắc cung cấp, thể hiện: Vào ngày 17/01/2022 ông Lê Văn D đã chuyển nhượng cho bà Kiều Thị Mỹ T thửa đất số 301, diện tích 683,8m^2, thông qua hợp đồng đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, nên bà T đã được cập nhật biến động đứng tên đối với thửa đất trên. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng ông chỉ chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Phạm Thị Hồng Hòa và ông cũng đã nhận trước tiền cọc của bà hòa, căn cứ vào "hợp đồng đặc cọc" và "giấy nhận tiền đất" do người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng Hòa và ông Trần Thanh Hải cung cấp thì giữa ông D với bà Hòa có xác lập giao dịch chuyển nhượng thửa đất trên là thật, chứ ông D không có thỏa thuận chuyển nhượng đất cho bà Kiều Thị Mỹ T, khi phát hiện ra sự lừa dối này nên gia đình ông mới không có nhận tiền chuyển nhượng đất của bà T, lời khai này phù

hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, N vụ liên quan và phù hợp với đơn trình bày ngày 05/5/2022 của bị đơn bà Kiều Thị Mỹ T là ông D chưa nhận tiền bà sẽ trả tiền cho ông D như ghi trong hợp đồng chuyển nhượng. Việc ông D ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà T tại văn phòng công chứng Phú Long là do ông D chủ quan, tin tưởng bà T làm hợp đồng giúp bà Hòa nên ông đã ký, lăn tay vào hợp đồng mà không đọc lại, bà T đã lừa dối để ông ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với tên T chứ không phải tên bà Hòa. Xét lời khai của nguyên đơn phù hợp lời khai của người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng Hòa, lời khai của người làm chứng, cũng như các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.*

Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.

Lừa dối trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó.

...".

Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa bên chuyển nhượng: ông Lê Văn D với bên nhận chuyển nhượng: bà Kiều Thị Mỹ T, theo số công chứng 00178, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, do Văn phòng công chứng Phú Long chứng thực ngày 17/01/2022, chuyển nhượng thửa đất số 301, diện tích 683,8m^2, tờ bản đồ số 65, tọa lạc tại thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 807013, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 21/7/2020 đứng tên Lê Văn D là hợp đồng vô hiệu do bị lừa dối.

Về giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu: Ông Lê Văn D xác định từ thời điểm hai bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất đến nay thì ông D vẫn quản lý, sử dụng đất và ông cũng không có nhận đồng tiền nào của bà T, hai bên không có thiệt hại gì. Vì vậy nguyên đơn ông D không có yêu cầu gải quyết về hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến về vấn đề giải quyết hậu quả

pháp lý của hợp đồng vô hiệu nên Tòa không xem xét, giải quyết, sau này nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự riêng.

Đối với yêu cầu của ông D yêu cầu bị đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 807013 cho ông thì ông xin rút lại yêu cầu này. Xét, việc xin rút yêu cầu này của ông D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp không trái với quy định của pháp luật nên Tòa ghi nhận.

[3]. Đối với việc bị đơn trình bày yêu cầu công nhận hợp đồng, như đã phân tích ở phần trên do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn là vô hiệu do bị lừa dối nên ý kiến của bị đơn không được chấp nhận.

[4]. Đối với ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, đo đạc: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Kiều Thị Mỹ T phải chịu 2.450.000đồng chi phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và 2.135.000đồng chi phí đo đạc để hoàn trả lại cho ông Lê Văn D, do ông D đã nộp tạm ứng đủ số tiền: 4.585.000 đồng (bốn triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng) chi phí xem xét tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tại Tòa án.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm*:* Căn Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Kiều Thị Mỹ T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Áp dụng Điều 122, Điều 127, Điều 131, 132 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn D về việc *"Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa bên chuyển nhượng: ông Lê Văn D với bên nhận chuyển nhượng: bà Kiều Thị Mỹ T, theo số công chứng 00178, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, do Văn phòng công chứng Phú Long chứng thực ngày 17/01/2022, chuyển nhượng thửa đất số 301, diện tích 683,8m^2, tờ bản đồ số 65, tọa lạc tại thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV 807013, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 21/7/2020 đứng tên Lê Văn D là hợp đồng vô hiệu.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: + Bà Kiều Thị Mỹ T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lê Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006058 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Kiều Thị Mỹ T phải hoàn trả cho ông Lê Văn D tổng số tiền: 4.585.000 đồng (bốn triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng) chi phí xem xét tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản.

Các đương sự khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh B.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.
- Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Thị Tâm